

Số: 910 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt thủ tục hành chính
được lập sơ đồ, quy trình giải quyết của Sở Công thương
tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh tại Tờ trình số 55/TTr-TTHCC ngày 14/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 92 thủ tục hành chính được lập sơ đồ, quy trình giải quyết của Sở Công thương tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Bắc Ninh (kèm theo Danh mục TTHC, Quy trình và sơ đồ từng TTHC).

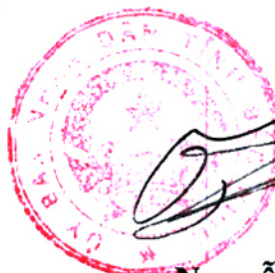
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công thương, Trung tâm Hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT, XDCC, CVP, PCVP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Như

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC LẬP SƠ ĐỒ, QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TIẾP NHẬN
TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH BẮC NINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

STT	Mã số	Tên Thủ tục
		Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng
1	QTT-CT-01	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc
2	QTT-CT-02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.
3	QTT-CT-03	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.
4	QTT-CT-04	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá
5	QTT-CT-05	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.
6	QTT-CT-06	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.
7	QTT-CT-07	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá(Đối với trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).
8	QTT-CT-08	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp(quy mô dưới 3 triệu lít/năm).
9	QTT-CT-09	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp(quy mô dưới 3 triệu lít/năm)
10	QTT-CT-10	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp(quy mô dưới 3 triệu lít/năm).
		Lĩnh vực Giám định thương mại
11	QTT-CT-11	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại
12	QTT-CT-12	Đăng ký bổ sung, sửa đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại.
		Lĩnh vực Hóa chất
13	QTT-CT-13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
14	QTT-CT-14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

15	QTT-CT-15	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
16	QTT-CT-16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
17	QTT-CT-17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
18	QTT-CT-18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp
19	QTT-CT-19	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vận chuyển hàng công nghiệp nguy hiểm.
		Lĩnh vực Khí dầu mỏ hóa lỏng
20	QTT-CT-20	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
	Các trường hợp	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
		Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
21	QTT-CT-21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG
	Các trường hợp	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
		Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
22	QTT-CT-22	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải
	Các trường hợp	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải

		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai
		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn
		Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG
		Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG
		Lĩnh vực Thương mại Quốc tế
23	QTT-CT-23	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.
24	QTT-CT-24	Cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài)
25	QTT-CT-25	Cấp điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam(Đối với trường hợp thay đổi người đứng đầu, tên gọi, nội dung hoạt động, địa điểm trong một tỉnh thành phố trực thuộc trung ương hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý).
26	QTT-CT-26	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam(Đối với trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc tiêu hủy).

27	QTT-CT-27	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam(Trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở văn phòng địa diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác).
28	QTT-CT-28	Gia hạn cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
29	QTT-CT-29	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
30	QTT-CT-30	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.
31	QTT-CT-31	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.
32	QTT-CT-32	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí
33	QTT-CT-33	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.
34	QTT-CT-34	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
35	QTT-CT-35	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
36	QTT-CT-36	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.
37	QTT-CT-37	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).

38	QTT-CT-38	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) .
39	QTT-CT-39	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
40	QTT-CT-40	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²
41	QTT-CT-41	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại
42	QTT-CT-42	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.
43	QTT-CT-43	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
44	QTT-CT-44	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ
45	QTT-CT-45	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động
		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước
46	QTT-CT-46	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
47	QTT-CT-47	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
48	QTT-CT-48	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá
49	QTT-CT-49	Cấp Giấy phép bán buôn rượu
50	QTT-CT-50	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu
51	QTT-CT-51	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu
52	QTT-CT-52	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu
53	QTT-CT-53	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.
54	QTT-CT-54	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu

55	QTT-CT-55	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.
56	QTT-CT-56	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.
57	QTT-CT-57	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu(Trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).
58	QTT-CT-58	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.
59	QTT-CT-59	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.
60	QTT-CT-60	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu(Trường hợp bị mất, bị cháy, bị tiêu hủy dưới hình thức khác).
		Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh
61	QTT-CT-61	Xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.
62	QTT-CT-62	Đăng ký sửa đổi, bổ sung tiếp nhận hồ sơ thông báo hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương
63	QTT-CT-63	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương: + Trường hợp doanh nghiệp tự nguyện chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương). + Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp do xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương bị thu hồi.
64	QTT-CT-64	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp
65	QTT-CT-65	Tiếp nhận đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong phạm vi tỉnh Bắc Ninh.
		Lĩnh vực Thương hiệu
66	QTT-CT-66	Công bố hợp quy chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương.
		Lĩnh vực Vật liệu nổ
67	QTT-CT-67	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
68	QTT-CT-68	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

69	QTT-CT-69	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
70	QTT-CT-70	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
71	QTT-CT-71	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
72	QTT-CT-72	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
73	QTT-CT-73	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ
74	QTT-CT-74	Đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
		Lĩnh vực Xúc tiến thương mại
75	QTT-CT-75	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
76	QTT-CT-76	Thông báo hoạt động khuyến mại
77	QTT-CT-77	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.
78	QTT-CT-78	Xác nhận đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam
79	QTT-CT-79	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam.
		Lĩnh vực Điện lực
80	QTT-CT-80	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.
81	QTT-CT-81	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.
82	QTT-CT-82	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương.
83	QTT-CT-83	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô dưới 03MW đặt tại địa phương.
84	QTT-CT-84	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương;
85	QTT-CT-85	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương.

86	QTT-CT-86	Cấp Giấy phép Hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương.
87	QTT-CT-87	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương.
88	QTT-CT-88	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực lần đầu
89	QTT-CT-89	Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng
90	QTT-CT-90	Cấp lại thẻ Kiểm tra viên điện lực trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng.
91	QTT-CT-91	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình điện sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn ngân sách nhà nước, công trình sử dụng vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, công trình đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản tập trung, công trình được đầu tư theo hình thức: BT, BOT, BTO, PPP, và những công trình đầu tư bằng những nguồn vốn hỗn hợp khác.
92	QTT-CT-92	Thẩm định thiết kế công trình điện đối với công trình không sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG**

**QUY TRÌNH
KIỂM TRA NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG MAY MẶC**

**MÃ SỐ : QTT-CT-01
LẦN BAN HÀNH : 01
NGÀY BAN HÀNH : / /2019**

	SOÁT XÉT	PHÊ DUYỆT
Họ và tên		
Chữ ký		
Chức vụ		

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG	QUY TRÌNH	MS: QTT-CT-01
	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc	Lần ban hành: 01 Trang: 3/6

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự các bước, trách nhiệm thực hiện, thời gian thực hiện giải quyết thủ tục hành chính *Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc*.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này áp dụng đối với hoạt động tiếp nhận, xem xét và giải quyết thủ tục hành chính *Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc* cho tổ chức, cá nhân

Trung tâm hành chính công, Sở Công thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, cá nhân liên quan thực hiện quy trình này.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.9

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- **UBND:** Ủy ban nhân dân
- **TTHC:** Thủ tục hành chính
- **HCC:** Hành chính công
- **GCN:** Giấy chứng nhận
- **Phòng tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính:** Phòng TN&GQTTHC

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không		
5.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	1. Đơn đề nghị của doanh nghiệp	x	
	2. Giấy phép đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có công chứng.		x
	3. Bảng lương tháng gần nhất với thời điểm kiểm tra gồm: + Số công nhân được ký hợp đồng lao động dài hạn (trên 1 năm); + Số lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra.	x	
	4. Hợp đồng xây dựng, giấy sở hữu công trình hoặc hợp đồng thuê nhà xưởng		x
	5. Tờ khai hải quan đối với máy móc thiết bị nhập khẩu và (hoặc) hóa đơn tài chính đối với máy móc thiết bị mua trong nước. Nếu là máy móc thiết bị thuê mua thì phải có hợp đồng và hóa đơn chứng từ rõ ràng.		x
	6. Bảng kê năng lực máy móc thiết bị.	x	
5.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG	QUY TRÌNH		MS: QTT-CT-01
	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc		Lần ban hành: 01 Trang: 4/6

5.4	Thời hạn giải quyết
	07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
5.5	Nơi tiếp nhận hồ sơ
	Trung tâm hành chính công tỉnh.
5.6	Lệ phí
	Chưa quy định
5.7	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính
	Biên bản kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc
5.8	Quy trình xử lý công việc
5.8.1	Bản đồ
	Xem Phụ lục 01
5.8.2	Nội dung quy trình

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu
B1	<p>Nộp hồ sơ Tổ chức/ Cá nhân chuẩn bị bộ hồ sơ theo quy định tại mục 5.2 nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm hành chính công tỉnh. <i>Trường hợp đến trực tiếp, tổ chức cá nhân thực hiện các bước sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy số ở Bảng thông tin quây số bằng cách chọn cơ quan cần nộp hồ sơ. - Đến quây tương ứng, chờ đọc đến số để nộp hồ sơ. <p>Tiếp nhận và chuyển hồ sơ Chuyên viên tại quây tiếp nhận hồ sơ và kiểm tra hồ sơ theo quy định tại Quyết định 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 do UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; - Nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể theo theo mẫu số 1, Quyết định 27/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 - Nếu hồ sơ hợp lệ, scan hồ sơ, nhập thông tin vào 	Tổ chức/ cá nhân		Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ
		Chuyên viên tiếp		

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG	QUY TRÌNH		MS: QTT-CT-01	
	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc		Lần ban hành: 01 Trang: 5/6	
	<p>hệ thống một cửa điện tử, in Giấy biên nhận hồ sơ từ phần mềm cho tổ chức/ cá nhân. Sau đó,</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luân chuyển hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử đến lãnh đạo Phòng nghiệp vụ - Sở Công thương để phân công chuyên viên xử lý. + Hồ sơ bản cứng, in phiếu giao nhận hồ sơ từ hệ thống một cửa điện tử, làm các thủ tục bàn giao với bưu chính để chuyển hồ sơ cho Phòng nghiệp vụ xử lý hồ sơ. 	nhận hồ sơ	0.5 ngày	Giấy biên nhận hồ sơ
B2	<p>Phân công xử lý, kiểm tra hồ sơ</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ phân công chuyên viên xử lý và luân chuyển hồ sơ trên hệ thống một cửa điện tử.</p> <p>Chuyên viên xử lý hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nếu đủ điều kiện, soạn thảo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, báo cáo lãnh đạo Phòng xem xét trình lãnh đạo Sở phê duyệt. Đồng thời, cập nhật thông tin thực hiện trên hệ thống một cửa điện tử. + Nếu không đủ điều kiện, chuyên viên soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân, nêu rõ lý do, báo cáo Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở ký duyệt thông báo và chuyển về Phòng TN&GQTHC để thông báo cho tổ chức/cá nhân. + Nếu giải quyết quá hạn, soạn thảo văn bản xin lỗi cá nhân, trong đó ghi rõ lý do quá hạn, thời hạn trả kết quả, báo cáo Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở ký duyệt văn bản xin lỗi. 	<p>Lãnh đạo phòng</p> <p>Chuyên viên xử lý hồ sơ</p>	05 ngày	<p><i>Dự thảo Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra</i></p> <p><i>Văn bản thông báo (nếu có)</i></p> <p><i>Văn bản xin lỗi (nếu có)</i></p>
B3	<p>Phê duyệt</p> <p>Lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra.</p> <p>Trong trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung thì quay lại B2.</p>	Lãnh đạo Sở	01 ngày	<i>Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra</i>
B4	<p>Kiểm tra tại cơ sở sản xuất</p> <p>Đoàn kiểm tra liên ngành của Sở sẽ đến tại cơ sở sản xuất của doanh nghiệp để kiểm tra năng lực dệt may theo đề nghị của doanh nghiệp. Biên bản kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc dệt may theo mẫu trong <i>Thông báo 0577/TM-DM ngày 20/5/2005 của Bộ Thương mại hướng dẫn về việc tổ chức kiểm tra liên ngành năng lực sản xuất hàng may mặc của thương nhân</i> được lập trực tiếp trong quá trình kiểm tra, Đại diện thương nhân, Trưởng đoàn Kiểm tra và các thành viên trong Đoàn ký và lấy dấu của thương nhân. Trưởng đoàn giao ngay cho thương nhân 01 bản chính kết quả kiểm tra.</p>	Đoàn kiểm tra	0.5 ngày	<i>Biên bản thẩm định</i>

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG	QUY TRÌNH	MS: QTT-CT-01
	Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc	Lần ban hành: 01 Trang: 6/6

5.9	Cơ sở pháp lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo 0577/TM-DM ngày 20/5/2005 của Bộ Thương mại hướng dẫn về việc tổ chức kiểm tra liên ngành năng lực sản xuất hàng may mặc của thương nhân. - Quyết định 748/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2016 công bố chuẩn hóa danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc chức năng quản lý của Sở Công thương

6. BIỂU MẪU, PHỤ LỤC

Mã số	Tên biểu mẫu, phụ lục
Phụ lục 01	Bản đồ quy trình
<i>Mẫu và biểu mẫu thực hiện theo Thông báo 0577/TM-DM ngày 20/5/2005 của Bộ Thương mại hướng dẫn về việc tổ chức kiểm tra liên ngành năng lực sản xuất hàng may mặc của thương nhân</i>	
	Biên bản kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc

7. HỒ SƠ LƯU

TT	Thành phần hồ sơ	Trách nhiệm	Thời gian
1.	Giấy biên nhận hồ sơ	Trung tâm HCC	01 năm
2.	Thông báo về việc bổ sung hồ sơ (nếu có)	Trung tâm HCC	
3.	Thông báo về việc hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết (nếu có)	Trung tâm HCC	
4.	Văn bản xin lỗi đối với hồ sơ giải quyết quá hạn và hẹn lại thời gian trả kết quả (nếu có)	Trung tâm HCC	

BIÊN BẢN

Kiểm tra năng lực sản xuất hàng may mặc

<tên thương nhân

Hôm nay, vào hồih ngàytháng.....năm....., Đoàn kiểm tra liên ngành gồm:

- + Ông/Bà, đại diện Sở Thương mại/Thương mại - Du lịch....., Trưởng đoàn,
- + Ông/Bà, <chức vụ>, đại diện Sở Công nghiệp....., thành viên Đoàn.
- + Ông/Bà, <chức vụ>, đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư....., thành viên Đoàn.

Trên cơ sở không báo trước/báo trước tối đa 2 giờ đồng hồ trước khi đến/theo đề nghị của thương nhân, Đoàn đã đến kiểm tra Cơ sở sản xuất của, tại <địa chỉ cơ sở sản xuất>:

- + Cơ sở sản xuất của thương nhân không tồn tại:
- + Cơ sở sản xuất của thương nhân đóng cửa, đã liên lạc với thương nhân nhưng không được:
- + Cơ sở sản xuất đang hoạt động, nhưng thương nhân từ chối tiếp Đoàn:
- + Đã tiến hành kiểm tra cơ sở sản xuất của thương nhân:

cụ thể như sau:

I. Đoàn đã yêu cầu thương nhân cung cấp thông tin về cơ cấu vốn sở hữu của doanh nghiệp; các hồ sơ, chứng từ về máy móc, thiết bị, lao động

Đoàn đã trao cho thương nhân Quyết định số ngày..... của Sở Thương mại/Thương mại - Du lịch về việc thành lập Đoàn.

1. Thương nhân đã đầu tư trang thiết bị may với tổng số vốn là tỷ VNĐ (hoặc triệu USD).

2. Loại hình doanh nghiệp, cơ cấu sở hữu:

- Doanh nghiệp nhà nước:
- Doanh nghiệp dân doanh:
- Công ty có vốn đầu tư nước ngoài:

+ Liên doanh:

Trong đó,

- Chủ sở hữu chính làchiếm% vốn sở hữu,
- Các cổ đông khác% vốn sở hữu.

+ Công ty 100% vốn nước ngoài:

- Công ty cổ phần:

Trong đó,

- Chủ sở hữu chính làchiếm% vốn sở hữu,
- Các cổ đông khác% vốn sở hữu.

- Loại hình doanh nghiệp khác

Chủ sở hữu của doanh nghiệp trên có sở hữu cổ phần trong doanh nghiệp dệt may khác:

Có:

Không:

Nếu có, là :<nêu tên, địa chỉ đầy đủ của doanh nghiệp đó>

3. Về hồ sơ, thiết bị:

- Thương nhân có cung cấp đầy đủ:
- Thương nhân cung cấp chưa đầy đủ:

- Không có hồ sơ để cung cấp cho Đoàn:

<Đoàn yêu cầu cung cấp các hồ sơ, chứng từ, các văn bản liên quan đến việc đầu tư thiết bị sản xuất hàng may mặc, và các máy móc thiết bị hiện có tại các kho xưởng; sử dụng những tài liệu này để đối chiếu khi đi kiểm tra trực tiếp tại các kho xưởng>:

- Thiết bị mua trong nước có hoá đơn tài chính:

- Thiết bị nhập khẩu có tờ khai hải quan:

- Thiết bị thuê mua tài chính:

- Thiết bị thuê của công ty khác

(không phải do thuê mua tài chính):

Tên, địa chỉ, điện thoại và tên lãnh đạo công ty cho thuê :

.....
.....

4. Về lao động của Công ty:

Số lao động hiện tại trong hồ sơ nhân sự :, trong đó,

Số lao động ký Hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên): (viết bằng chữ).

II. Đoàn xuống xưởng để xác định năng lực sản xuất của thương nhân, cụ thể như sau:

1. Tình hình nhà xưởng <nêu số nhà xưởng, tổng diện tích của các nhà xưởng khoảngm² >

2. Số lao động hiện có tại thời điểm kiểm tra <nêu số lượng lao động đang làm việc tại từng nhà xưởng>

3. Năng lực máy móc, thiết bị:

* Tổng số lượng thiết bị thực tế được xác định tại các nhà, xưởng như sau:

STT	Loại thiết bị	Số lượng thiết bị		Số, ngày, Hoá đơn tài chính, tờ khai Hải quan nhập khẩu
		Đang sản xuất	Đã lắp đặt, c.bị đưa vào sản xuất	
1	Máy may thẳng			<Liệt kê số, ngày hoá đơn tài chính/tờ khai Hải quan nhập khẩu cho những lô máy chính trong số những máy móc nêu bên> Ví dụ: + Hoá đơn số ngày cho 50 máy may thẳng, 30 máy vắt sổ + Hoá đơn số ngày cho 100 máy may 2 kim, 70 máy may thẳng
2	Máy chuyên dùng			
2.1	Vắt sổ			
2.2	Máy 2 kim			
2.3	Máy thừa khuyết			
2.4	Máy vắt gấu			
2.5	Loại khác			
3	Máy cắt			
4	Máy là hơi			
5	Thiết bị khác (nếu có thì ghi rõ loại gì)			

- Tổng số thiết bị không tính thiết bị khác (mục 5): chiếc

- Tổng số thiết bị tính cả thiết bị khác: chiếc, (viết bằng chữ

.....

- Số dây chuyền sản xuất: dây chuyền
- Đánh giá chung về tình trạng thiết bị:

.....
.....

- Số thiết bị này có thể dùng để sản xuất được các chủng loại sản phẩm (Cat.):
<đề nghị nêu các Cat. như 338/339, 347/348, 647/648.....>

.....
.....

4. Kiến nghị của thương nhân:

.....
.....
.....

Đoàn kiểm tra liên ngành đã kết thúc công tác kiểm tra vào hồih ngày 200...

Đại diện thương nhân
(chức vụ, ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trưởng Đoàn kiểm tra liên ngành
(chức vụ, ký và ghi rõ họ tên)

Chữ ký của các thành viên trong Đoàn kiểm tra:
<ký và ghi rõ họ tên từng thành viên>

Ghi chú:

Biên bản này được lập trực tiếp trong quá trình kiểm tra và sao thêm 03 bản. Đại diện thương nhân, Trưởng đoàn Kiểm tra và các thành viên trong Đoàn ký và lấy dấu của thương nhân. Trưởng đoàn giao ngay cho thương nhân 01 bản chính; 03 bản đưa về Sở Thương mại/Thương mại - Du lịch để người có thẩm quyền ký, đóng dấu (trường hợp Trưởng đoàn có thẩm quyền ký đóng dấu thì Trưởng đoàn có thể ký đóng dấu cả vào phần gửi Bộ Thương mại), lưu tại Sở Thương mại/T hương mại Du lịch 01 bản gốc và 02 bản chính gửi về Bộ Thương mại bằng 01 phong bì công văn (Ban Điều hành hạn ngạch dệt may và Tổ Giám sát hàng dệt may liên Bộ).

Phần trên dành cho Đoàn Kiểm tra liên ngành cập nhật tại cơ sở sản xuất của thương nhân

